

Bản án số: 91/2021/DS-PT  
Ngày 18 - 11- 2021.  
V/v tranh chấp nợ hụi  
và tranh chấp vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê T Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Trương T Dũng

Bà Châu Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Trịnh Út Mười.- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp nợ hụi và tranh chấp vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Hồng H, sinh năm 1983 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 45, Khu dân cư T, Đường 07, Khóm 1, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đồng bị đơn:**

1. Chị Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, Huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở hiện nay:

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ:* Anh Trần Quốc B, sinh năm 1991 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đ:*

Ông Phạm Hữu H là luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tín H (*có mặt*)

Địa chỉ: Số ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Anh Tăng Phương T, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, thị trấn H, Huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở hiện nay:

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Ngọc Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 09 năm 2020, ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại bản tự khai; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Hồng H trình bày:*

Chị H có tham gia chơi 03 chung hụi do chị Đ làm chủ, do thời gian quá lâu nên chị không nhớ rõ số chung hụi, loại hụi và có những hụi viên nào tham gia nhưng khi mãn hụi thì chị và chị Đ có tính toán số tiền hụi mà chị Đ còn nợ lại là 270.000.000 đồng (03 chung hụi). Ngoài ra, ngày 03 tháng 02 năm 2017 (âm lịch), vợ chồng chị Đ có vay của chị số tiền là 110.000.000 đồng (thỏa thuận lãi suất là 3%/ tháng). Do đó, ngày 08/9/2017 (âm lịch) chị Đ có ký biên nhận nợ tiền của chị tổng cộng là 400.000.000 đồng, cụ thể: tiền nợ đối với 03 chung hụi là 270.000.000 đồng, nợ tiền vay vốn là 110.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay vốn là 110.000.000 đồng là 20.000.000 đồng, từ khi ghi biên nhận đến nay chị Đ và anh T chưa trả cho chị H khoản tiền nào.

Nay, chị H yêu cầu chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng Phương T trả cho chị H số tiền là 400.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 08/9/2017 (âm lịch) đến nay và yêu cầu trả lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

*Theo bản tự khai; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn chị Bùi Ngọc Đ là anh Trần Quốc Bảo trình bày:* Chị Đ thừa nhận 02 (hai) biên nhận mà chị H cung cấp cho Tòa án, trong đó có biên nhận không đề ngày tháng năm thể hiện chị Đ thừa nhận còn nợ hụi của chị H số tiền 270.000.000 đồng và số tiền vay vốn là 110.000.000 đồng, tổng cộng là 380.000.000 đồng và số tiền lãi của số tiền vay vốn 110.000.000 đồng là 20.000.000 đồng là do chính chị Đ tự ghi, chữ viết và chữ ký trong biên nhận là của chị Bùi Ngọc Đ. Đối với biên nhận vào ngày 08/9/2017 (âm lịch) thể hiện chị Đ có mượn của chị H số tiền là 400.000.000 đồng là biên nhận tổng cộng của biên nhận không đề ngày tháng năm trên, biên nhận tổng cộng là do chị H ghi, chị Đ ký tên vào, đồng thời, trong biên nhận thể hiện có chữ ký tên và tên Bùi Ngọc Đ thì đó chính là chữ ký, chữ viết của chị Đ. Tuy nhiên, chị Đ xác định trên thực tế chỉ nợ chị H số tiền là 267.500.000 đồng, trong đó bao gồm tiền hụi là 157.500.000 đồng và tiền vay là 110.000.000 đồng (ngày vay số tiền 110.000.000 đồng là ngày 03 tháng 02 năm 2017 (âm lịch) như chị H trình bày. Ngoài ra, sau khi vay số tiền 110.000.000 đồng thì vợ chồng chị Đ đã trả lãi được cho chị H số tiền 115.200.000 đồng (hàng tháng chị Đ và anh T đưa chị H số tiền 6.400.000 đồng, đưa được 18 lần), việc đóng lãi cho chị H không có làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến, chỉ có vợ chồng chị Đ và chị H biết.

Do đó, chị Đ không đồng ý việc chị H yêu cầu vợ chồng chị Đ trả số

tiền nợ là 400.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 267.500.000 đồng, trong đó bao gồm tiền hui là 157.500.000 đồng và tiền vay vốn là 110.000.000 đồng, chị Đ không đồng ý trả lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 08/9/2017 (âm lịch) đến nay và yêu cầu trả lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án của chị H vì chị Đ và anh T nhiều lần yêu cầu chị H đến nhà để lấy tiền nợ nhưng chị H không đến lấy. Ngoài ra, chị Đ không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Đối với anh Tăng Phương T không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh T cũng không có cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Trần Hồng H theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T.

*Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân Huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng H đối với chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng P H T về việc tranh chấp nợ hui và tranh chấp vay tài sản.

Buộc chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng Phương T có nghĩa vụ trả cho chị Trần Hồng H số tiền tổng cộng là 525.288.733 đồng (*năm trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*), trong đó: Nợ hui là 270.000.000 đồng, nợ vay là 110.000.000 đồng và lãi suất là 145.288.733 đồng.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của chị H đòi chị Đ, anh T trả số tiền lời của số tiền vay 110.000.000 đồng là 13.487.267 đồng (*mười ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, bị đơn chị Bùi Ngọc Đ kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Chị Đ yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần Bản án sơ thẩm về việc chỉ đồng ý trả tiền nợ hui chị H là 165.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Bùi Ngọc Đ trình bày:**

- Việc ghi tiền hui có chứng cứ chứng minh chị Đ chỉ nợ tiền hui là 157.500.000 đồng việc này được các tay em xác nhận, có chị Diễm, anh Phong xác định việc chơi hui.

- Chị H xác định là có tham gia chơi hui nhưng là dây hui khác dây hui mà chị Diễm, anh Phong tham gia chơi hui nhưng chị H không xác định được đã chơi dây hui nào và các thành viên dây hui đó.

- Việc xác định chơi hui nhưng không làm rõ cách thức chơi hui để làm rõ số tiền nợ hui dẫn đến để xác định số tiền tranh chấp.

- Không đưa chồng chị H tham gia tố tụng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Ngọc Đ và anh Tăng P H T giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng Phương T gửi đến Tòa án vào ngày 24 tháng 6 năm 2021 trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; cấp sơ thẩm trả đơn kháng cáo của anh Tăng Phương T nhưng xét thấy đơn kháng cáo của anh T đúng về hình thức, nội dung của việc kháng cáo. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Chị Đ kháng cáo cho rằng chỉ nợ tiền hui và tiền vay của chị H tổng số tiền là 165.000.000 đồng. Chứng cứ chị Đ đưa ra là các giấy hui có thể hiện tên các hui viên tham gia và một số người làm chứng (hui viên). Xét chứng cứ chị Đ cung cấp xét thấy rằng: các giấy hui (bút lục số 38 đến bút lục số 41) không thể hiện cụ thể tên các hui viên tham gia, số chung hui, loại hui gì cũng như không có chữ ký xác nhận của các hui viên và chị H không thừa nhận có tham gia các dây hui theo các giấy hui trên nên không có căn cứ để xác định chị H có tham gia các dây hui như chị Đ trình bày. Ngoài ra, chị Đ còn đưa ra một số người hiểu biết việc chị H có tham gia dây hui khui vào ngày 03/8/2016 và qua xác minh thì anh Châu Hòa P trình bày: “..những người có mặt trong cuộc họp về việc tuyên bố đình hui của dây hui ngày 03/8/2016 (âm lịch) gồm có tôi, chị Đ, chị Diễm, chị Tố Anh và một số người nữa tôi không nhớ nhưng không có mặt chị Trần Hồng H” (bút lục 124); tại biên bản lấy lời khai ngày

18/5/2021 (bút lục 120) chị Huỳnh Phương D trình bày: “...Do lúc đình hui thì chị Đ có yêu cầu tất cả các thành viên còn sống trong dây hui khui vào ngày 03/8/2016 (âm lịch) đến nhà chị Đ để họp. Khi họp thì cũng có mặt chị Trần Hồng H...”. Như vậy, anh P và chị Diễm đều xác định chị H có tham gia dây hui khui ngày 03/8/2016 do chị Đ làm chủ hui nhưng lời khai của anh P và chị Diễm có sự mâu thuẫn về việc có mặt của chị H tại buổi các hui viên cùng họp để thống nhất cách giải quyết việc đình dây hui trên. Lời khai của những người làm chứng có sự mâu thuẫn nhau; hơn nữa cũng chưa có chứng cứ xác định chị H tham gia dây hui nào nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét lời khai của anh P, chị Diễm là chứng cứ để giải quyết vụ việc. Ngoài lời trình bày của anh Phong và chị Diễm thì chị Đ không cung cấp chứng cứ gì để xác định chị H có tham gia dây hui ngày 03/8/2016 và đồng thời chị H cũng không thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định chị H có tham gia dây hui khui ngày 03/8/2016 do chị Đ làm chủ hui.

[3] Xét chứng cứ là 02 biên nhận do chị H cung cấp, nội dung biên nhận thể hiện: chị Đ còn thiếu nợ hui của chị H số tiền 270.000.000 đồng và tiền vay là 110.000.000 đồng, tổng cộng là 380.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay vốn 110.000.000 đồng là 20.000.000 đồng do chính chị Đ tự ghi, chữ viết và chữ ký trong biên nhận là của chị Bùi Ngọc Đ, còn biên nhận vào ngày 08/9/2017 (âm lịch) thể hiện chị Đ có mượn của chị H số tiền là 400.000.000 đồng là biên nhận tổng của biên nhận không đề ngày tháng năm trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đ đều thừa nhận 02 biên nhận trên là do chị ký và việc ký tên là tự nguyện, không ai ép buộc, chị Đ cho rằng việc chị đồng ý ký tên vào các biên nhận trên là để làm tin cho chồng chị, lý do chị Đ trình bày không có cơ sở và không phù hợp với tài liệu, chứng cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy, lời trình bày của chị H phù hợp với 02 biên nhận trên và chị Đ cũng thống nhất về nội dung 02 biên nhận nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị Đ trả số tiền nợ hui 270.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đ cho rằng cấp sơ thẩm không làm rõ cách thức chơi hui để làm rõ số tiền nợ hui để từ đó xác định số tiền các bên tranh chấp. Như đã phân tích nêu trên, giữa chị H và chị Đ không tranh chấp về việc tham gia chơi hui; mà chị H khởi kiện đòi chị Đ T toán tiền nợ hui mà chị Đ hiện tại còn nợ thể hiện ở biên nhận nhận nợ; chị Đ thừa nhận có ký biên nhận nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Đối với kháng cáo của anh tăng Phương T không đồng ý trả nợ cùng chị Đ thì thấy rằng: Giữa anh và chị Đ không có thỏa thuận xác lập chế độ tài sản riêng của vợ chồng theo quy định tại Điều 47 Luật hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình sống chung thì không có tài liệu nào phản đối việc chị Đ làm chủ hui với các hui viên; anh T cũng không chứng minh số nợ của chị Đ đối với chị H không vì nhu cầu của gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình. Mặt khác, chính chị Đ cũng xác định cùng có trách nhiệm với anh T thanh toán khoản nợ cho chị H.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn chị Bùi Ngọc Đ cũng như lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đ, xét thấy có căn cứ chấp nhận chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Các nội dung khác của Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Án phí phúc thẩm chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng Phương T mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng Phương T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân Huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

#### *Tuyên xử:*

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng H đối với chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng Phương T về việc tranh chấp nợ hui và tranh chấp vay tài sản.

Buộc chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng Phương T có nghĩa vụ trả cho chị Trần Hồng H số tiền tổng cộng là 525.288.733 đồng (*năm trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*), trong đó: Nợ hui là 270.000.000 đồng, nợ vay là 110.000.000 đồng và lãi suất là 145.288.733 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

2/. Không chấp nhận yêu cầu của chị H đòi chị Đ, anh T trả số tiền lời của số tiền vay 110.000.000 đồng là 13.487.267 đồng (*mười ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng*).

#### 3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Hồng H phải chịu nộp là 674.363 đồng. Chị H đã dự nộp 10.000.000 đồng tại biên lai thu số 0010291 ngày

26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, chị H được nhận lại 9.325.637 đồng.

Án phí sơ thẩm chị Bùi Ngọc Đ và anh Tăng Phương T phải chịu nộp là 25.011.549 đồng.

3.2. Án phí phúc thẩm: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, chị Đ đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002639 ngày 24/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện H được chuyển thu án phí. Anh Tăng Phương T phải nộp 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện H.

4/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Huyện H;
- CCTHADS Huyện H;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Lê Thanh Hùng**